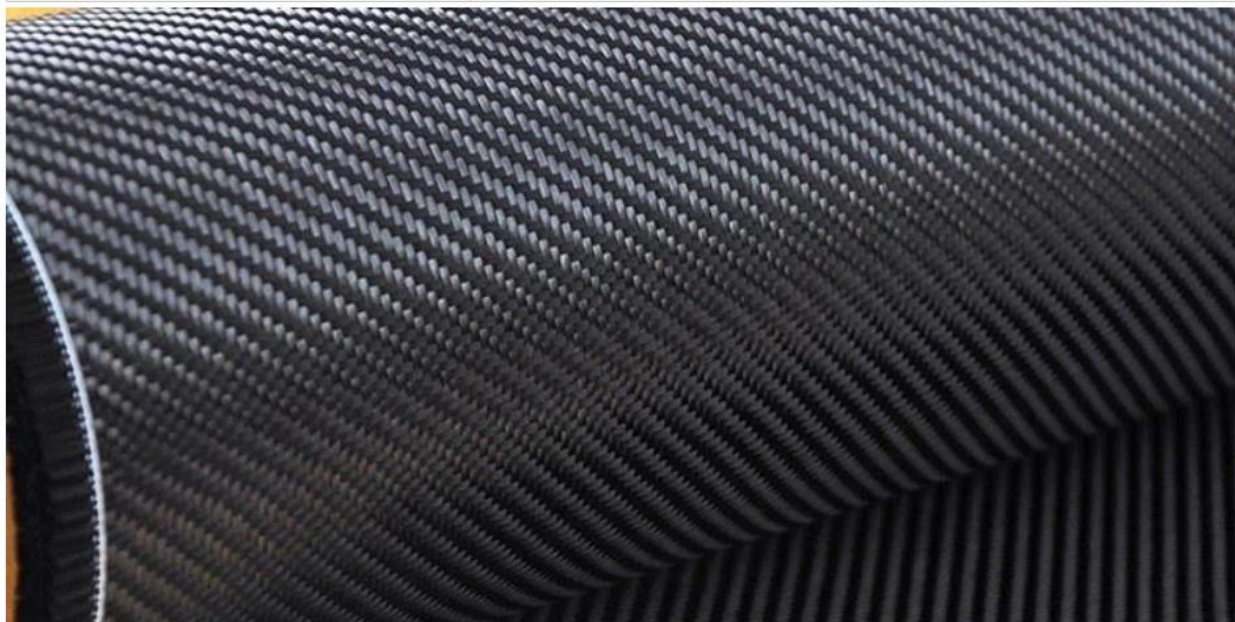




Vải sợi carbon T300 đề cập đến lực kéo có thể chịu được 300 tấn của loại sợi carbon này với diện tích mặt cắt ngang 1 cm vuông. Các loại dây carbon thường được sử dụng là T300, T700, T800. Chọn theo yêu cầu của bạn!

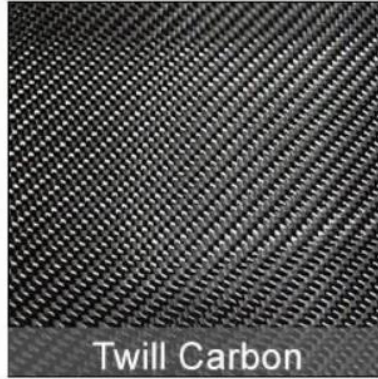
Vải sợi carbon T300 được dệt theo phong cách Plain và Twill, chúng tôi có 120gsm, 140gsm, 200gsm, 240gsm, 280gsm, 320gsm, 400gsm, 480gsm, 640gsm để lựa chọn.

Mô hình	Trơn / Twill / UD / Lục giác / Hai trục
Sợi	3K / 6K / 12K
Chiều rộng	1000-1600mm
Chiều dài	100-400 triệu
Mật độ	200-680gsm
Độ dày	0,25-0,64mm





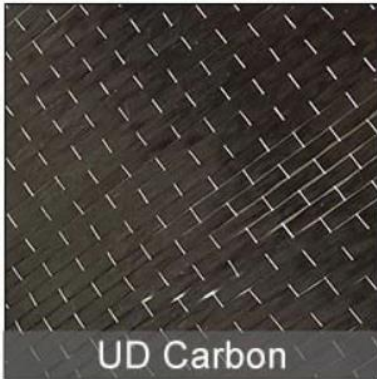
Plain Carbon



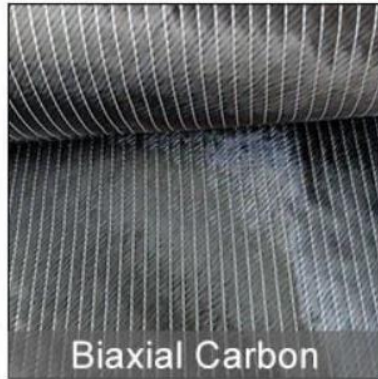
Twill Carbon



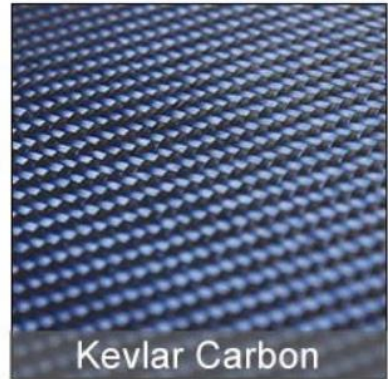
Hexagon Carbon



UD Carbon



Biaxial Carbon



Kevlar Carbon

Code	Pattern	Yarn		Density(/1cm)		Weight(g/sm)	Thickness(mm)	width(mm)	Length(m)
		warp	weft	warp	weft				
CC/P-200	Plain	3K	3K	5	5	200	0.25	1000-1600	100-400
CC/T-200	Twill	3K	3K	5	5	200	0.25		
CC/P-220	Plain	3K	3K	5.5	5.5	220	0.28		
CC/T-220	Twill	3K	3K	5.5	5.5	220	0.28		
CC/P-240	Plain	3K	3K	6	6	240	0.3		
CC/T-240	Twill	3K	3K	6	6	240	0.3		
CC/P-260	Plain	3K	3K	6.5	6.5	260	0.32		
CC/T-285	Plain	3K	3K	7	7	285	0.34		
CC/P-285	Twill	3K	3K	7	7	285	0.34		
CC/P-280	Plain	6K	6K	3.5	3.5	280	0.36		
CC/T-280	Twill	6K	6K	3.5	3.5	280	0.36		
CC/P-320	Plain	6K	6K	4	4	320	0.38		
CC/T-320	Twill	6K	6K	4	4	320	0.38		
CC/P-400	Plain	6K	6K	5	5	400	0.42		
CC/T-400	Twill	6K	6K	5	5	400	0.42		
CC/P-480	Plain	6K	6K	5.5	5.5	480	0.46		
CC/P-560	Plain	6K	6K	6	6	560	0.5		
CC/P-200	Plain	12K	12K	1.2	1.2	190	0.22		
CC/P-320	Plain	12K	12K	2	2	320	0.4		
CC/P-400	Plain	12K	12K	2.5	2.5	400	0.46		
CC/T-400	Twill	12K	12K	2.5	2.5	400	0.46		
CC/P-560	Plain	12K	12K	3.5	3.5	560	0.58		
CC/T-560	Twill	12K	12K	3.5	3.5	560	0.58		
CC/P-640	Plain	12K	12K	4	4	640	0.64		
CC/T-640	Twill	12K	12K	4	4	640	0.64		



- 01 High strength & Light weight**
Used for parts of aviation,aerospace,war industry sports goods and new type of building materia
- 02 High electric conductivity**
Used for electrode materials, electromagnetic shielding materials, anti-static materials
- 03 Fatigue resistance**
Used for fan blades, aircraft blades
- 04 Wide temperature range**
Used for brake pad and insulation material
- 05 Resistant to corrosion**
Used for port engineering and water conservancy and hydropower
- 06 Ray penetration**
Used for X- ray bed board

Nó có sức mạnh cụ thể cao và mô đun cụ thể. Mật độ của CFRP chỉ bằng 1/5 thép và 1/3 hợp kim titan, nhẹ hơn hợp kim nhôm và nhựa gia cố sợi thủy tinh (GFRP), làm cho sức mạnh cụ thể của nó gấp khoảng 4 lần so với thép cường độ cao, siêu duralumin và hợp kim titan. Khoảng 2 lần FRP; mô đun cụ thể là hơn 3 lần trong số chúng.

01

REGAL

A+ carbon filament

Imported Toray & ZFSY carbon filament



02

REGAL

German equipment

Advanced german equipment for production

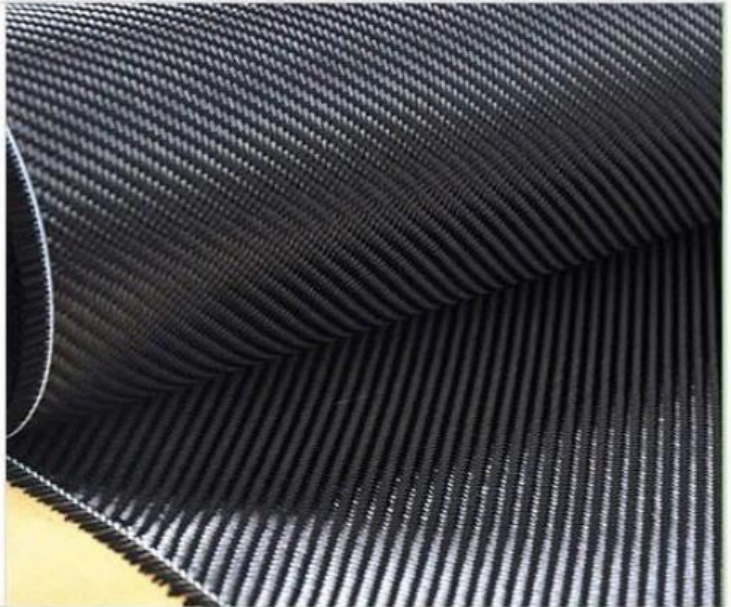


03

REGAL

High quality products

Uniform grain & High gloss



Aviation and aerospace

strategic materials for parts of Missiles, satellites, spacecraft, radar, aircraft, helicopters, military aircraft



Wind turbine

New energy storage
batteries, compressed
gas tank, oil platforms

Ship & Car

Automotive skeleton, piston,
drive shaft, brake system, hull

Sports goods

Golf clubs, tennis rackets and
fishing rods, Bicycle, racing car

1. Nó có tính linh hoạt tốt và có thể bọc các hình dạng phức tạp;
2. Nó phù hợp cho các môi trường khắc nghiệt khác nhau như axit, kiềm, ăn mòn hóa học (bản thân không gây ô nhiễm) và đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.